TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Thị Quyên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đinh Minh Phương.**
2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Kiều Minh Tiến -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp *"*Ly hôn*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn X** – sinh ngày: 01/01/1977 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị X1** - sinh năm: 1979 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn X có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/3/2025 anh Nguyễn Văn X trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị X1 do mai mối rồi về chung sống với nhau năm 2022, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V. Trong thời gian chung sống thì anh và chị X1 sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 tháng đến tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế tiền bạc, vợ chồng thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị X1 đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị X1.

- Về con chung: Anh và chị X1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị X1 đã được Tòa án tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị X1 không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình anhy của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa anh X và bị đơn chị X1, chị X1 có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn anh X có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh X. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị X1 vắng mặt, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị X1 nhưng chị X1 cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị X1.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh X và chị X1 do mai mối rồi về chung sống với nhau năm 2022, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26/6/2023 nên quan hệ hôn nhân giữa anh X và chị X1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo anh X trình anhy thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 tháng đến tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế tiền bạc, vợ chồng thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh X và chị X1 không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh X và chị X1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh X yêu cầu ly hôn với chị X1, chị X1 vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh X.

Về con chung: Anh X và chị X1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị X1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị X1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn X.

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn X được ly hôn với chị Nguyễn Thị X1.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn X và chị Nguyễn Thị X1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị X1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị X1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Nguyễn Văn X đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0009869, ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Nguyễn Văn X đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Thị Quyên